

Số: 1042 /GPMT-BQL

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng; Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định 1296/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung và các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường và giải trình, chỉnh sửa bổ sung, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà xưởng chế tạo cơ khí – Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung" tại Công văn số 92/CĐMT-P4 ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cơ điện Miền

Trung và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường, Khoa học công nghệ và Uơm tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung địa chỉ tại Đường số 3, Khu công nghiệp Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà xưởng chế tạo cơ khí - Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà xưởng chế tạo cơ khí - Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số 3, Khu công nghiệp Hoà Cầm, phường Hoà Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 0400528732 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 21 tháng 09 năm 2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án số 6420418566 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng cấp chứng nhận lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2021, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 1 ngày 22 tháng 12 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0400528732

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất cấu kiện kim loại.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê nhà xưởng).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích sử dụng đất: 39.505 m², trong đó Khu A 18.265m² (lô 3) và Khu B: 20.880m² (lô 01: 9.294 m² và lô 02: 11.586 m²).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

- Công suất:

+ Sản xuất kết cấu thép: 22.000 tấn sản phẩm/năm (trong đó, đối với công đoạn mạ kẽm nhúng nóng có công suất 9.000 tấn sản phẩm/năm).

+ Sản xuất các sản phẩm ống nhựa (uPVC, MPVC, PPR, HDPE): 950 tấn sản phẩm/năm.

+ Cho thuê nhà xưởng: diện tích 3.326 m².

- Quy trình công nghệ:

+ Sản xuất kết cấu thép: Thép tấm, thép hình → Cắt ra phôi → Gia công, tạo hình → Uốn, lóc → Gá lắp tổ hợp → Hàn → (Khu A: → Mạ kẽm; Khu B: → Phun hạt làm sạch bề mặt → Sơn) → Xuất xưởng.

+ Sản xuất sản phẩm ống nhựa: Nguyên liệu → Trộn → Đùn ống → Định hình và làm nguội → In → Cưa → Nong → Xuất xưởng.

+ Mạ kẽm nhúng nóng: Cấu kiện cần mạ → Xử lý bề mặt → Rửa sạch → Nhúng trợ dung → Mạ kẽm → Thụ động hóa → Làm mát → Kiểm tra chất lượng → Xuất xưởng.

- Phạm vi cấp giấy phép môi trường không bao gồm hoạt động của hạng mục cho thuê nhà xưởng theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 6420418566 chứng nhận lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2021, chứng nhận thay thay đổi lần thứ 1 ngày 22 tháng 12 năm 2023.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất

thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND quận Cẩm Lệ, UBND phường Hòa Thọ Tây và các cơ quan chức năng liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 (Bảy) năm

(Từ ngày 28 tháng 4 năm 2025 đến ngày 28 tháng 4 năm 2032)

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Môi trường, Khoa học - Công nghệ và Ươm tạo tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Nhà xưởng chế tạo cơ khí - Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung” theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- UBND thành phố (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Thọ Tây;
- Công ty CP Cơ điện miền Trung;
- Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Hòa Cầm;
- Trưởng ban Ban Quản lý (báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý;
- Lưu: VT, Website, QLMT, KHCN&UT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Thái Ngọc Trung

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1042/GPMT-BQL ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường:

- Nước thải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Cầm để tiếp tục xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường; không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Đã thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Cầm và ký kết tiếp nhận, xử lý nước thải tại Hợp đồng số 26/HĐHC-QV-CEMC/2015 ngày 12/6/2015 giữa Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung và Công ty TNHH KHCN Môi trường Quốc Việt, Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cầm.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

- + Nước thải từ hoạt động vệ sinh toilet, bồn tiểu (Khu A) xử lý qua bể tự hoại (bể 01, bể 02) + nước thải vệ sinh tay chân, tắm rửa,... → Tuyến ống PVC D114mm → Hồ bơm 2 ngăn → Đường ống HDPE D25mm → Hồ ga lắng 2 ngăn → Hồ ga thăm dò → Điểm đầu nối số 01 (tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 1770486; Y = 578374 hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°) → Hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp Hoà Cầm trên đường số 3.

- + Nước thải từ hoạt động vệ sinh toilet, bồn tiểu (Khu A) xử lý qua bể tự hoại (bể 03) + nước thải vệ sinh tay chân, tắm rửa,... → Tuyến ống PVC D90mm → Điểm đầu nối số 02 (tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 1770378; Y = 578371 hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°) → Hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp Hoà Cầm trên đường số 3.

- + Nước thải từ hoạt động vệ sinh toilet, bồn tiểu (Khu B) xử lý qua bể tự hoại (bể 01, bể 02, bể 03) + nước thải vệ sinh tay chân, tắm rửa,... → Tuyến ống PVC D114mm → Bể xử lý 3 ngăn (lắng → lọc → khử trùng) → Hồ ga thăm dò → Điểm đầu nối số 03 trên đường số 3 (tọa độ điểm đầu nối nước thải X = 1770382; Y = 578391 hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°) → Hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp Hoà Cầm trên đường số 3.

- + Nước thải từ nhà ăn → Bể tách mỡ → Hồ ga thăm dò → Điểm đầu nối số 04 (tọa độ điểm đầu nối nước thải X = 1770520; Y = 578380 hệ tọa độ VN2000,

2

kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°) $\rightarrow$ Hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp Hoà Cầm trên đường số 3.

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh từ xưởng mạ kẽm (Khu A) $\rightarrow$ 4 Mương thu (kích thước 1 mương: $R \times C = 200 \times 150 \text{ mm}$, $L = 12,5 \text{ m}$) $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất $25 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ $\rightarrow$ Bể nước thải sau xử lý $\rightarrow$ Bơm $\rightarrow$ Đường ống HDPE D32mm $\rightarrow$ Hồ lắng 2 ngăn $\rightarrow$ Hồ ga thăm dò $\rightarrow$ Điểm đầu nối số 01 (tọa độ điểm đầu nối nước thải: $X = 1770486$; $Y = 578374$ hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°) $\rightarrow$ Hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp Hoà Cầm trên đường số 3.

Nước thải từ các nguồn phát sinh nêu trên theo Hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp Hoà Cầm tiếp tục được dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hoà Cầm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - cột A trước khi xả ra sông Cầu Đỏ, Cẩm Lệ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ

* Bể tự hoại

- Số lượng: 06 bể.

- Vị trí:

+ Khu A: Tại xưởng sản xuất (01 bể dung tích $5,6 \text{ m}^3$), văn phòng công ty (01 bể dung tích $5,6 \text{ m}^3$), văn phòng tổ vận tải (01 bể dung tích $5,6 \text{ m}^3$).

+ Khu B: Tại xưởng sản xuất (01 bể dung tích $5,6 \text{ m}^3$), văn phòng xưởng (01 bể dung tích $5,6 \text{ m}^3$), xưởng sản xuất (01 bể dung tích $5,6 \text{ m}^3$).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải $\rightarrow$ Bể tự hoại 3 ngăn $\rightarrow$ Hồ ga $\rightarrow$ Hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp Hoà Cầm trên đường số 3 $\rightarrow$ Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hoà Cầm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

* Bể tách mỡ

- Số lượng: 01 bể.

- Vị trí: Tại nhà ăn khu B (01 bể dung tích $1,44 \text{ m}^3$)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải $\rightarrow$ Bể tách mỡ $\rightarrow$ Hồ ga thăm dò $\rightarrow$ Hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Hoà Cầm trên đường số 3 $\rightarrow$ Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hoà Cầm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

* Bể xử lý nước thải 3 ngăn

- Số lượng: 01 bể.

- Vị trí: Tại trạm biến áp khu B (01 bể dung tích $10,7 \text{ m}^3$)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải $\rightarrow$ Bể tự hoại $\rightarrow$ Bể xử lý 3 ngăn $\rightarrow$ Hồ ga thăm dò $\rightarrow$ Hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Hoà Cầm trên đường số 3 $\rightarrow$ Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hoà Cầm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 25 m³/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc → Bể nước sau xử lý → Hồ lắng 2 ngăn → Hồ ga thăm dò → Hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Hòa Cầm trên đường số 3 → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Cầm.

- Công suất thiết kế: 25 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Natri hidroxit (NaOH), PAC, Polymer, HCL (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm đảm bảo đạt chất lượng theo thông số ô nhiễm tối đa cho phép xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải Khu công nghiệp Hoà Cầm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất 25 m³/ngày đêm:

- Hệ thống được cấp điện dự phòng từ máy phát điện để dự phòng khi có sự cố mất điện xảy ra vẫn đảm bảo cho hệ thống hoạt động bình thường.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động các thiết bị để có biện pháp khắc phục và bảo dưỡng kịp thời.

- Lắp đặt các thiết bị, máy móc dự phòng cho các hệ thống xử lý. Các thiết bị này chạy luân phiên nhau nên trong trường hợp có sự cố về hỏng hóc thì vẫn có thể đảm bảo cho hệ thống vận hành và thay thế, sửa chữa thiết bị còn lại.

- Lập sổ theo dõi quá trình vận hành để ghi chép các hiện tượng, sự cố bất thường và giải pháp xử lý sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải sản xuất 25 m³/ngày đêm.

a) Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: Bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: Bể chứa nước sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hoà Cầm.

b) Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung phải giám sát các thông số ô nhiễm có trong nước thải sau khi được xử lý đảm bảo đạt yêu cầu các thông số ô nhiễm tối đa cho phép xả thải vào hệ thống thu gom nước thải theo Hợp đồng xử lý nước thải giữa Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung và Công ty TNHH KHCN Môi trường Quốc Việt, Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cầm.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (*được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ*), việc quan trắc nước thải do Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung tự quyết định nhưng phải đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng yêu cầu, điều kiện tiếp nhận nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hoà Cầm; công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý nước thải.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm của các công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ*). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 (*được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ*).

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi về Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Cầm để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.6. Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung chịu hoàn toàn trách nhiệm trước đơn vị chủ đầu tư hạ tầng khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Hoà Cầm và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.7. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 042/GPMT-BQL ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

a. Nguồn phát sinh khí thải có công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Nguồn số 01: Hơi hóa chất, khí thải phát sinh từ công đoạn mạ kẽm (khu A).

- Nguồn số 02: Bụi kim loại phát sinh từ công đoạn phun bi sắt làm sạch bề mặt kim loại (khu B).

b. Nguồn phát sinh khí thải không có công trình, thiết bị xử lý khí thải (không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường)

- Nguồn số 03: Khí thải từ Lò đốt nấu chảy kẽm nhúng nóng sử dụng dầu DO (Khu A).

- Nguồn số 04: Bụi, khí thải từ máy phát điện 110KVA (khu A).

- Nguồn số 05: Bụi từ xưởng sản xuất ống nhựa.

- Nguồn số 06: Bụi sơn từ công đoạn phun sơn bề mặt.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải lưu lượng xả khí thải lớn nhất và phương thức xả khí thải

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty cổ phần Cơ điện miền Trung địa chỉ tại đường số 03, Khu công nghiệp Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, ống thải, xả liên tục 24/24 giờ.

Dòng khí thải	Ống thải tương ứng	Tọa độ vị trí xả khí thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°45', múi chiều 3°)		Lưu lượng xả thải tối đa (m ³ /giờ)
		X	Y	
Dòng khí thải số 01	Ống thải sau Hệ thống tháp hấp thụ	1778526	539173	8.000
Dòng khí thải số 02	Ống thải sau Hệ thống Cyclone	1769670	546402	18.000
Lưu lượng xả thải tối đa				26.000

3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với hệ số $K_p=0,9$, $K_v=1,0$, cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01				
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng (tuy nhiên đơn vị đề xuất tần suất quan trắc 6 tháng/lần)	Không thuộc đối tượng
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Áp suất	N/m ²	-		
4	HCl	mg/Nm ³	Cmax = C x Kp x Kv Với C:200 mg/Nm ³ và các hệ số xác định theo quy định QCVN 19:2009/BTNMT		
5	NH ₃	mg/Nm ³			
6	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³			
7	Hơi HNO ₃ (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³			
8	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	mg/Nm ³			
II	Dòng khí thải số 02				
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng (tuy nhiên đơn vị đề xuất tần suất quan trắc 6 tháng/lần)	Không thuộc đối tượng
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Áp suất	N/m ²	-		
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	Cmax = C x Kp x Kv Với C:200 mg/Nm ³ và các hệ số xác định theo quy định QCVN 19:2009/BTNMT		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Khí thải phát sinh từ nguồn số 01 và nguồn số 02 → Hệ thống xử lý khí thải → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải tương ứng dòng khí thải 01, 02.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

* Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn mạ kẽm (từ các bể công nghệ của dây chuyền mạ kẽm (Khu A).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói.

- Công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: NaOH

- Chế độ vận hành: Vận hành liên tục trong ngày theo thời gian sản xuất.

* Hệ thống xử lý bụi kim loại phát sinh từ công đoạn phun bi sắt làm sạch bề mặt kim loại (Khu B)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi kim loại → Cyclon ướt → Quạt hút → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói.

- Công suất thiết kế: 18.000 m³/giờ.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Chế độ vận hành: Hệ thống được vận hành không thường xuyên, chỉ hoạt động khi có hoạt động làm sạch bề mặt tại Nhà phun bi.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Ban hành và tuân thủ yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành các thiết bị xử lý khí thải, xây dựng kịch bản ứng cứu khi có sự cố xảy ra và trang bị kiến thức chuyên môn cho đội ngũ vận hành hệ thống xử lý khí thải.

- Khi thiết bị xử lý bụi, khí thải gặp sự cố phải ngừng ngay việc hoạt động sản xuất phát sinh chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ để hệ thống thu gom đạt hiệu quả, đồng thời phát hiện các sự cố như quạt hút, hệ thống lọc xử lý bụi túi vải không hoạt động, kiểm tra chất lượng túi vải để tiến hành vệ sinh – thay thế, nâng cao hiệu quả xử lý của hệ thống.

- Định kỳ thay thế lớp vật liệu đệm để đảm bảo hiệu quả xử lý khí thải trước khi xả ra môi trường.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, người vận hành sẽ kiểm tra và khắc phục sự cố. Nếu sự cố được khắc phục ngay tức thời thì tiếp tục cho hệ thống vận hành, trong trường hợp không khắc phục được thì người vận hành thông báo đến trưởng bộ phận và trưởng bộ phận sẽ thông báo đến Giám đốc nhà máy. Các hành động sau được thực hiện:

+ Dừng ngay công đoạn sản xuất tại nơi có hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, đóng các van đường ống.

+ Sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị đã hỏng, kiểm tra độ kín và các chỉ tiêu kỹ thuật khác theo qui định và vận hành thử đạt yêu cầu trước khi đưa hệ thống hoạt động trở lại.

+ Trong trường hợp sự cố nghiêm trọng, chưa giải quyết được Nhà máy sẽ dừng sản xuất toàn bộ các công đoạn để xử lý sự cố. Đồng thời báo cáo với Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố để có hướng giải quyết, giảm thiểu.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ*).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý Hơi hóa chất, khí thải phát sinh từ công đoạn mạ kẽm
- Hệ thống xử lý Bụi kim loại phát sinh từ công đoạn phun bi sắt làm sạch bề mặt kim loại

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và thực hiện đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (*được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ*), việc quan trắc khí thải do Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung tự quyết định nhưng phải đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường. Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 3 Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm của các công trình xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ*). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường

này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi về Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu sử dụng bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống để phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ.

3.7. Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 052/GPMT-BQL ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực Dập (Khu A).
- Nguồn số 02: Khu vực Mài (Khu A).
- Nguồn số 03: Khu vực Cắt (Khu B).
- Nguồn số 04: Khu vực Nhà phun bi (Khu B).
- Nguồn số 05: Khu vực Máy phát điện (Khu A).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1778436; Y = 539064.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1778546; Y = 538976.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1777734; Y = 550154.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1777634; Y = 550064.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1778438; Y = 539062.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất. Chủ cơ sở đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành.

- Tiếng ồn, độ rung tại khu vực đặt máy móc, thiết bị sẽ được làm giảm bằng cách đổ móng bê tông có mác cao, tăng cường đệm cao su ở những vùng có va chạm mạnh, gây tiếng ồn. Tất cả các thiết bị sản xuất gây ồn, rung đều được gia cố trên nền bê tông mác cao hoặc đệm cao su.

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất. Đặc biệt thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc, đặc biệt là các loại máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung đáng kể.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân.

- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1042/GPMT-BQL ngày 28 tháng 4 năm 2025
của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	130
2	Bao bì kim loại và nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại)	18 01 02, 18 01 03	1.900
3	Bùn thải và bã lọc có các thành phần nguy hại	07 01 05	32.500
4	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài, hạt sắt...)	07 03 08	8.500
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	570
Tổng			43.600

Đối với chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát thực hiện phân định, phân loại theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Sắt thép phế liệu các loại thu hồi	12 08 04 12 08 05	640.879
2	Xỉ kẽm	11 05 02	86.273
3	Kẽm cứng	11 05 01	27.954
4	Bao bì nilong, carton	18 01 05	1.300
5	Pallet gỗ	18 01 07	780
6	CTR CNTT tái chế: Sắt thép vụn, ba via kim loại, thùng carton, dây nhựa,.... CTR CNTT không tái chế: giẻ lau không dính dầu, gỗ kê, đất, cát...	18 01 06 12 08 06	24.500
Tổng			781.686

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: $25\text{m}^3/\text{năm}$.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa:

Chất thải nguy hại được lưu chứa trong thùng có nắp đậy, không rò rỉ, được dán tên, mã chất thải nguy hại của loại chất thải nguy hại và biển cảnh báo theo quy định

b) Kho lưu chứa:

- Số lượng: 02 kho.

+ Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại (khu A): 22 m^2 .

+ Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại (khu B): $3,9\text{ m}^2$.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Được xây chắc chắn, bảo đảm kín, có tường bao và mái che kín, mặt sàn bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và có gờ ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; có biển báo và trang bị dụng cụ phòng cháy chữa cháy, dụng cụ phòng ngừa ứng phó sự cố tràn đổ chất thải; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Chính phủ) và các quy định khác có liên quan.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Thiết bị lưu chứa:

- Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại: được lưu chứa tại các bể tự hoại trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: được lưu chứa trong các bể xử lý trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Dầu, mỡ thải phát sinh từ bể tách mỡ: được lưu chứa trong thùng nhựa có dung tích 100 lít và bể tách mỡ trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định

- Đối với các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường gồm (sắt thép vụn, bavia kim loại, xỉ cắt, xỉ hàn, bao bì đựng, thùng carton, gỗ, đất, cát, sỏi...) được lưu chứa vào các thùng chứa chuyên dụng, thùng chứa rác loại 240 lít (vật liệu nhựa, có nắp đậy) đặt tại hành lang các khu vực sản xuất trong nhà xưởng.

- Đối với sắt thép phế liệu được lưu chứa tại khu tập kết sắt thép phế liệu trong nhà xưởng.

- Đối với kẽm vụn, xỉ kẽm được lưu chứa vào các thùng phi 200 lít đặt tại khu tập kết kẽm phế liệu trong nhà xưởng.

b) Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Số lượng: 03 khu vực.

+ Diện tích khu vực lưu chứa sắt thép phế liệu khu A: 54m²

+ Diện tích khu vực lưu chứa sắt thép phế liệu khu B: 63m²

+ Diện tích khu vực lưu chứa kẽm phế liệu khu A: 50m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Chính phủ) và các quy định khác có liên quan.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a) Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng chứa, có nắp đậy, không rò rỉ tại các vị trí phù hợp, đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của pháp luật.

b) Kho lưu chứa:

Không.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Chính phủ) và các quy định khác có liên quan.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ) và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).



Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1042/GPMT-BQL ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành các hạng mục công trình xây dựng, công trình bảo vệ môi trường theo hồ sơ môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu, điều kiện khác phải đáp ứng các công trình bảo vệ môi trường, hoạt động của cơ sở.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu, trách nhiệm về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện lưu giữ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy chế tạo cơ khí - Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung” đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện và các tài liệu liên quan khác để cơ quan có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

3. Thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Hòa Thọ Tây, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ*).

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*) và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (*được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Chính phủ*); Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNM (*được sửa đổi,*



bổ sung một số điều bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT); Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất. Thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ*).

7. Cung cấp thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

9. Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra sự cố môi trường, cháy nổ, an toàn lao động và phải bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hoạt động của cơ sở gây ra.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện hệ thống hóa, lưu giữ các hồ sơ, tài liệu môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra

12. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

